

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2022/DS-ST

Ngày 05 – 7 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay và hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Hồng Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Ông Tạ Bửu Thương

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 199/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay và hụi” giữa:

- *Nguyên đơn:* 1. Bà Trần Lệ Th, sinh năm 1976 (Xin vắng mặt)

2. Ông Dương Minh T, sinh năm 1980 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 04A, đường L, Khóm N, Phường M, thành phố C, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1984

Địa chỉ: Nhà không số, đường Tr, Khóm N, Phường T, thành phố C, tỉnh C (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Dương Minh Tú và bà Trần Lệ Th trình bày:

Vào năm 2019, vợ chồng ông bà làm chủ hụi, ông Tr có tham gia các chân hụi cụ thể như sau:

Đối với dây hụi 2 triệu đồng/chân, mở ngày 06/6/2019al, mãn ngày 20/10/2020al, có 34 chân, 15 ngày khai 01 lần. Ông Tr tham gia 02 chân và đã hốt vào lần thứ 4 (vào ngày 20/7/2019 al) và lần thứ 5 (vào ngày 06/8/2019 al), đóng được 15 lần thì ngưng, ông Tr còn nợ dây hụi này là 76.000.000đ. Đối với dây hụi 3 triệu đồng/chân, mở ngày 06/10/2019al, mãn ngày 20/12/2020 al, có 30 chân và 15 ngày khai 01 lần. Dây hụi này ông Tr tham gia 02 chân và đã hốt vào lần thứ

nhất (vào ngày 06/10/2019 al) và lần thứ tư (vào ngày 20/11/2019 al), đóng đủ 7 lần thì ngưng, ông Tr còn nợ đây hội này là 138.000.000đ. Đến ngày 09/02/2021, ông Tr có trả 2.200.000đ và hai bên làm biên nhận chốt nợ, theo đó ông Tr còn nợ tổng cộng tiền hội là 211.800.000đ. Đến ngày 11/02/2021, ông Tr có trả tiếp 20.000.000đ. Tiền hội còn nợ lại là 191.800.000đ. Ngoài ra, vào ngày 20/12/2020 al, ông Tr có vay số tiền 140.000.000đ có làm biên nhận nhưng ông Tr không trả lãi và vốn. Tổng cộng tiền nợ hội và nợ vay là 331.800.000đ.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu ông Tr trả tổng cộng tiền vốn và lãi là 419.066.000đ, trong đó tiền vốn là 331.800.000đ, lãi tạm tính là 87.266.000đ. Trong đó: Lãi hội: tính từ ngày 09/02/2021 đến ngày 09/5/2022 là 15 tháng x lãi suất 1,66%/tháng x 191.800.000 = 47.758.000đ; Lãi vay: tính từ ngày 20/12/2020 đến ngày 20/5/2022 là 17 tháng x 1,66%/tháng x 140.000.000đ = 39.508.000đ.

Tại phiên tòa, ông T yêu cầu đối với lãi hội tính từ ngày 09/02/2022 đến ngày 24/6/2022 là 16,5 tháng và tiền lãi vay tính từ ngày 20/12/2020 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm tương ứng là ngày 07/6/2022 âm lịch là 17,5 tháng. Tổng cộng nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền là 425.004.000đ, trong đó vốn là 331.800.000đ, lãi là 93.204.000đ.

** Bị đơn ông Nguyễn Thành Tr trình bày:* Tôi có vô hội 02 chân hội 2 triệu đồng và 02 chân hội 03 triệu đồng đúng như nguyên đơn trình bày, về số tiền hốt, tiền bỏ hội do lâu quá tôi không nhớ cụ thể. Đến ngày 09/02/2021 (nhằm ngày 28 tháng chạp) tôi với phía bà Th, ông T có chốt nợ hội, theo đó tôi còn nợ phía ông T, bà Th là 211.800.000đ. Sau đó đến ngày 11/02/2021 (nhằm ngày 30/12/2020 al) tôi có trả 20.000.000đ, còn nợ lại là 191.800.000đ. Đối với số tiền vay, trước đó tôi có vay của nguyên đơn nhiều lần, vào ngày 20/12/2020 al tôi và ông T, bà Th có chốt nợ vay số tiền là 140.000.000đ như nội dung biên nhận và chưa trả vốn và lãi. Tổng cộng tôi còn nợ tiền hội và tiền vay của ông T, bà Th là 331.800.000đ. Nay do dịch bệnh khó khăn xin bỏ lãi, tôi chỉ đồng ý trả tiền gốc là 331.800.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng vay và hội, bị đơn là ông Nguyễn Thành Tr có nơi cư trú tại Khóm 5, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trần Lệ Th – đồng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Th theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng việc các đương sự tổ chức chơi hụi với nhau, theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện việc các đương sự giao dịch hụi thực tế có xảy ra, khi bị đơn hốt hụi nguyên đơn đều có ghi sổ cho bị đơn ký tên vào sổ nhận tiền, hai bên có chốt nợ hụi với nhau và bị đơn cũng thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền hụi tổng cộng là 191.800.000đ. Mặc dù, trong số tiền nợ hụi nguyên đơn yêu cầu có phần lãi hụi nhưng nguyên đơn, bị đơn không đặt ra yêu cầu xem xét. Sau khi hốt, do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ góp đúng và góp đủ như thỏa thuận, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ thay cho bị đơn nên khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả lại và yêu cầu tính lãi hụi là có cơ sở.

Đồng thời khi chốt nợ hụi, hai bên có thỏa thuận lãi suất mà bị đơn phải chịu trong Tr hợp không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Giấy tổng hợp nợ hụi với nội dung “*nếu quá ba tháng không trả tôi chịu tiền lãi là 5,0 phân một tháng kể từ ngày 9 tháng 2 năm 2021*”. Xét thấy các bên thỏa thuận về lãi suất tuy nhiên lãi suất thỏa thuận này vượt quá lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu với mức lãi suất 1,66%/tháng (tương đương 20%/năm) là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về thời gian tính lãi đối với phần nợ hụi, nguyên đơn yêu cầu tính lãi hụi từ ngày hai bên chốt nợ hụi là ngày 09/02/2021 đến ngày 24/6/2022 là 16,5 tháng, không yêu cầu đến ngày xét xử, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên có căn cứ chấp nhận. Như vậy, tiền lãi đối với phần nợ hụi là: $191.800.000đ \times 1,66\% \times 16,5 \text{ tháng} = 52.534.000đ$.

[4] Đối với tranh chấp hợp đồng vay, cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định có giao dịch vay tiền theo đó bị đơn vay 140.000.000đ như nội dung biên nhận. Điều này được các bên đương sự thừa nhận. Do bị đơn không thực hiện theo cam kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền vay là có cơ sở.

Đối với lãi suất vay, theo biên nhận thể hiện hai bên thống nhất thỏa thuận lãi suất là 6,5%/tháng. Xét thấy lãi suất hai bên đã thỏa thuận đã vượt mức quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu với mức lãi suất 1,66%/tháng (tương đương 20%/năm) là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về thời gian tính lãi, cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định từ khi vay đến nay thì bị đơn không có trả lãi. Nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày cho vay tức là ngày 20/12/2020 al đến ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 07/6/2022al) là 17,5 tháng. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở nên được chấp nhận. Như vậy số tiền lãi vay là $17,5 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 140.000.000đ = 40.670.000đ$.

Tại phiên tòa, qua quá trình hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, bị đơn thống nhất nợ nguyên đơn số tiền vốn và lãi là 425.004.000đ, trong đó vốn là

331.800.000đ, lãi là 93.204.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466, 468 và 471 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, hui, biêu, phườg.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Minh Tú, bà Trần Lệ Thủy.

Buộc ông Nguyễn Thành Tr trả cho ông Dương Minh Tú, bà Trần Lệ Thủy số tiền 425.004.000 đồng (trong đó nợ gốc là 331.800.000 đồng và lãi là 93.204.000 đồng).

Kể từ ngày ông Dương Minh Tú, bà Trần Lệ Thủy có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Thành Tr không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Thành Tr phải chịu là 21.000.000 đồng (chưa nộp).

Ông Dương Minh Tú, bà Trần Lệ Thủy không phải chịu. Ông Dương Minh Tú và bà Trần Lệ Thủy đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 10.381.000 đồng theo biên lai thu số 0001302 ngày 09/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông T, ông Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Th có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Hồng Xuyên